

ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CÂU ĐỐ DÂN GIAN CỦA NGƯỜI XƠ ĐĂNG TODRĂ

NGUYỄN TIẾN DŨNG^{1,*}, HOÀNG THỊ HUẾ^{2,**}

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: tiendung0967@gmail.com

**Email: hoangthihue@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này xác định đặc điểm nghệ thuật cơ bản của câu đố dân gian Xơ Đăng Todră. Bằng phương pháp điền dã dân tộc học, nghiên cứu phong tục và văn học, bài báo khảo sát các giá trị về nội dung và nghệ thuật câu đố của tộc người này. Nội dung câu đố là kho tri thức quý báu về thế giới tự nhiên và xã hội ở Tây Nguyên. Nghệ thuật câu đố độc đáo, ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhịp điệu, thể hiện óc quan sát tinh tế, gắn với văn hóa tộc người.

Từ khóa: Câu đố dân gian, Xơ Đăng Todră, Tây Nguyên, lời nói vần, đặc điểm nghệ thuật, văn hóa tộc người.

1. MỞ ĐẦU

Người Xơ Đăng Todră là một trong các nhóm địa phương của tộc người Xơ Đăng như Xơ Đeng (Xơ Teng), Ca Dong, Tơ-dra (Hđrá, Xđrá), Hđang, Mơ-nâm, Hà Lãng (Xlang), Ka Râng, Bri La Teng, Con Lan tập trung ở tỉnh Kon Tum (các huyện Đak Tô, Sa Thầy, Đak Hà, Đak Glei, Kon Plông, Kon Rẫy, Tu Mơ Rông), Quảng Ngãi (huyện Sơn Hà), Quảng Nam (huyện Trà Mi), Gia Lai (huyện như Chư Pah). Người Xơ Đăng Todră ở Kon Tum hiện nay có khoảng 17,424 người, sống tập trung ở các xã Đak Ui, Ngọc Réo (huyện Đak Hà) và xã Đak Kôi, Đak Tờ Lùng (huyện Kon Rẫy)¹.

Người Xơ Đăng Todră có kho tàng văn hóa dân gian hết sức phong phú, bao gồm truyện cổ, lời nói vần (*topóí hơ'nố*), sử thi (*homuan*) với hàng trăm tác phẩm về người anh hùng Dăm Duông nổi tiếng (*Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ, Dăm Duông cứu nàng Bar Mă, Dăm Duông hóa cọp, Dăm Duông đội lốt ông già...*)². Ngoài ra, người Xơ Đăng Todră còn có câu đố, gọi là *monua*. Đây là một loại hình giải trí phổ biến trong sinh hoạt văn hóa, là “tiếng cười của trí tuệ thông minh, linh hoạt” [7, tr.17] của tộc người này. Câu đố của người Xơ Đăng Todră được sử dụng thường xuyên trong đời sống hằng ngày, trong trò chơi dân gian của trẻ em. Đó là vào những đêm trăng sáng, ở ngoài sân làng hay quay quần quanh bếp lửa lên nhà rông, các thanh thiếu niên thường đặt những câu hỏi ngắn để đố nhau. Tiên hành trò chơi đố cần ít nhất từ hai người trở lên, người này đặt câu đố thì kia phải trả lời và ngược lại. Nếu có đông người tham dự thì một người đố và những người khác lần lượt trả lời từng người một cho đến khi nào có đoán đúng mới thôi. Trong trường hợp không có ai trả lời đúng thì buộc người đố đưa ra câu trả lời. Những người “bí” không trả lời được phải chịu phạt bằng một hình thức vui nhộn nào đó như công chạy xung quanh nhà rông. Dù người thắng hay kẻ thua, mọi người đều vui vẻ. Đặc biệt, không có vấn đề sát phạt, ăn thua ở đây. Câu đố cũng thường tồn tại trong các truyện cổ, sử thi, khi các nhân vật thách đố

¹ Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số 2019.

² Các tác phẩm này nằm trong Dự án “Điều tra, sưu tầm, bảo quản, biên dịch và xuất bản sử thi Tây Nguyên” từ năm 2001-2008.

nhau. Kiểu như câu đố của quái vật Xphinx đối với Oedipus trong bi kịch Hy Lạp cổ đại *Oedipus làm vua* (Sophocle). Đặc biệt, trong các lễ hội, bên cạnh các hoạt động cúng tế thần linh, đánh chiêng, múa hát thì câu đố cũng là một “tiết mục” tăng thêm sự đa dạng và hấp dẫn của các sinh hoạt lễ hội. Dù tồn tại ở hình thức nào thì câu đố là sinh hoạt trí tuệ, ngôn ngữ hấp dẫn. Nó giúp cho những người tham gia mở mang kiến thức, phát triển tư duy, óc phán đoán và nhất là giải trí lành mạnh.

Trong quá trình điền dã tại tỉnh Kon Tum, chúng tôi đã sưu tầm hơn 400 câu đố của người Xơ Đăng Todrã trên địa bàn huyện Đak Hà, Kon Rẫy và thành phố Kon Tum. Chúng tôi chọn lọc lại 295 câu và in trong tuyển cuốn công trình *Câu đố và lời nói vần của người Xơ Đăng Todrã ở Kon Tum* (Monua bơ bre topói hơ' nỏ Sedang Todrã ôi tã Kon Tum) [2]. Trong bài báo này, chúng tôi sẽ tập trung khảo sát nội dung và nghệ thuật nhằm bước đầu xác định đặc trưng nghệ thuật cơ bản của câu đố Xơ Đăng Todrã.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm nội dung

2.1.1. Câu đố của người Xơ Đăng Todrã là kho tri thức về thiên nhiên ở Tây Nguyên

Câu đố Xơ Đăng Todrã rất phong phú, nhất là những câu đố về thiên nhiên. Đó là kho tri thức về thiên nhiên mà người Xơ Đăng Todrã đã quan sát, đúc rút kinh nghiệm qua ngàn đời sinh sống và tồn tại ở đại ngàn Tây Nguyên.

Đối với người Xơ Đăng Todrã, mặt trăng, mặt trời, sấm chớp, mưa, gió, lũ lụt... là những hiện tượng rất đáng sợ. Với hiểu biết về thiên nhiên hạn chế, họ quan sát các hiện tượng ấy như là những “đối tượng” cần phải tìm hiểu hoặc tôn thờ. Họ không biết nước mưa (đĩa mi) từ đâu đổ xuống: “*Ti ai uae hơ' ngru khian ai điã tơ-ốk*” (Không ai rung nhưng nước lại đổ). Họ cũng không giải thích được hiện tượng của chớp (komliã) và sấm (tơ rờ): “*Ti chó gâh iang/ Ti tổ gâh chuôt*” (Không đốt nó sáng/ Không đánh nó kêu). Họ hình dung mặt trời (mã hi) và mặt trăng (mã khae) là những con thú hung dữ nhất ở rừng: “*Kla jriang tở kla khở ju*” (Cọp trèo lên, báo leo xuống)... Mặc dù không hiểu biết và giải thích theo khoa học các hiện tượng trên nhưng họ đã quan sát tỉ mỉ và hiểu được quy luật của các hiện tượng này. Do vậy, nội dung câu đố không chỉ là đối vui, là thử tài phán đoán mà còn học được những tri thức rất hữu ích về thiên nhiên mà họ học trong quá trình sinh tồn hoặc từ tổ tiên.

Câu đố Xơ Đăng Todrã còn là kho tri thức về rừng. Có thể xem câu đố như một cuốn từ điển về rừng ở Tây Nguyên với sông, suối, đồi núi, nương rẫy... Họ xem thác nước (kôi điã) biểu lộ “tính cách” theo mùa: “*Khae mi wi toláe pólók polăng/ Khae prăng wi topói nonoh bodúu bodúu*” (Mùa mưa họ la hét ầm ĩ/ Mùa nắng họ trò chuyện rì rầm)... Đa dạng nhất là câu đố về các loài thực vật ở rừng như măng le, rau diệu, rau dớn, cây sao cát, sao xanh, các loại nấm...; các loài động vật như voi, hổ, báo, nai, heo rừng, bò tót, thỏ, rùa, ốc núi, cua suối... Đây là câu đố về con voi (rúi): “*Chã kân tở hopăm/ Găm tiah jăm bôh/ Môh yôn mũi plaé/ Kotáe tở châng/ Jiâng tở jřăng/ Duăn tở kơ'neing/ Teing pung duih kân*” (Thân bằng cái chòi/ Đen như thú thui/ Mũi dài một sải tay/ Đùi bằng cái gùi/ Chân bằng cái cật/ Tai bằng cái mủng/ Đuôi như cái chổi),...

Những đối tượng này được đưa vào câu đố không những chỉ về hình dáng, đặc tính giống loài mà còn chỉ ra những những đặc điểm sinh tồn, sinh trưởng trong môi trường thiên nhiên đa dạng ở Tây Nguyên. Những câu đố này giúp cho người tham gia học được vô số tri thức về thiên nhiên để họ ứng dụng ngay trong cuộc sống lao động sản xuất, săn bắn, đi rừng... Chẳng hạn câu đố về con nai, lời đố không đơn giản nêu hình dáng hay đặc tính thông thường để nhận biết con vật mà nêu thói quen của con nai khi nó thay sừng (jôi rãk ikai): “*Dăng hi dăng măng/ Răk chăng rãk*

itiã/ Wá pơ'nhũ wi" (Ban ngày ban đêm/ Dao rựa bên mình/ Hù dọa người ta). Điều này đòi hỏi người giải câu đố am hiểu rất rõ về thói quen kiếm ăn, quá trình sinh trưởng của loài nai ở rừng Tây Nguyên. Để có sự am hiểu này, người tham gia đố phải trải qua kinh nghiệm sống ở rừng hoặc học từ tổ tiên.

2.1.2. Câu đố của người Xơ Đăng Todrã là kho kiến thức về đời sống xã hội

Nội dung câu đố gắn liền đời sống xã hội của người Xơ Đăng Todrã trong lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển tộc người.

Qua câu đố, chúng ta có thể hình dung được cuộc sống xã hội của người Xơ Đăng Todrã với các phương thức lao động sản xuất, sinh hoạt thường ngày, nhất là phương thức canh tác trên nương rẫy, tự túc tự cấp, các ngành nghề truyền thống,... Có thể tìm thấy rất nhiều câu đố về công cụ lao động sản xuất truyền thống trên nương rẫy công cụ chọc tía, gùi nhỏ đựng thóc giống, cuốc, rìu, rựa,... Chẳng hạn câu đố về cái cuốc ('niek kơ nông): "*Honẽng kân dá pla chuông/ Reh ká toné, ré luông ká dĩ*" (Răng nó to hơn lưỡi rìu/ Sống ăn đất, ăn cả rễ cây). Các công cụ về nghề truyền thống cũng là đối tượng được sử dụng phổ biến trong câu đố như xa kéo sợi, nhuộm vải, bàn cán bông, công cụ nghề rèn. Chẳng hạn câu đố về bàn cán bông vải (*potá ruô kopáe*): "*Kodrông hiang kir, Ir klõ ôi já mốt*" (Hàng rào rất dày, Gà trắng chui được). Đặc biệt những câu đố về nghề rèn chiếm một số lượng không nhỏ. Đây là câu đố về bễ lò rèn (*toniêm*): "*Buồ krá dui ngohiêm ing krie*" (Ông già thờ ra bằng lỗ đất). Các công trình nghiên cứu về dân tộc Xơ Đăng cho thấy, người Xơ Đăng rất giỏi nghề rèn và dệt. Từ xa xưa, họ tìm quặng và luyện ra kim loại để rèn công cụ lao động và vũ khí. Lò rèn của họ đơn giản nhưng độc đáo. Họ dùng đất sét để đắp bễ lộ thiên và dùng dạ dày con mang phơi khô để làm nồi hơi. Đặc biệt họ có cách tời thép độc đáo là dùng máu con mang (*tian pipu*) trộn với muối và bã lá trâu khô. Cách làm này tạo cho sản phẩm rèn của họ sắc bén và có độ bền cao [2]. Trong xã hội Xơ Đăng Todrã, người làm nghề thợ rèn được cộng đồng tôn trọng. Các chàng trai làm nghề rèn thường được các cô gái ưu tiên chọn làm chồng [5]. Trong các truyện cổ và sử thi, người ta cũng thường nhắc đến người Hodang (tức người Xơ Đăng) là những chiến binh dũng cảm, thiện chiến và giỏi nghề rèn. Cùng với nghề rèn, người Xơ Đăng Todrã cũng biết trồng bông và dệt vải. Trong truyện cổ và sử thi thường miêu tả các cô gái đẹp thường ngồi dệt vải ở nhà chồ (*hi ichuôk*)³. Các cô gái thường tặng những tấm vải đẹp nhất cho chàng trai mình yêu, thường là những anh hùng.

Có những câu đố về đồ vật thường ngày nhưng qua đó cũng phản ánh hiện thực cuộc sống của người Xơ Đăng Todrã xưa. Chẳng hạn như câu đố về cái kho lúa (*sum 'mo*): *Ronô mi ti sốk bodôk hang/ Ronô prãng bodôk phĩ bĩ lêm* (Mùa mưa bụng đói xót xa/ Mùa nắng ăn đủ bụng no béo tròn). Thực tế cho thấy, do phụ thuộc vào phương thức sản xuất trồng trọt nương rẫy và tự túc tự cấp nên đời sống vật chất người người Xơ Đăng Todrã rất bấp bênh. Họ thường bị thiếu đói vào các tháng giáp hạt, thường là những tháng mưa ở Tây Nguyên.

Câu đố còn thể hiện cuộc sống tinh thần trong xã hội Xơ Đăng Todrã. Nhiều câu đố không dừng lại ở việc đố vui mà còn mang những quan niệm nhân sinh. Qua lời giải đố, người ra câu đố còn muốn gợi một ý nghĩa nhân văn, luân lý nào đó cho người giải đố. Chẳng hạn câu đố về lời nói (*niâr topói*): *Hian hlôh chãng, hiang dá hobo* (Sắc hơn lưỡi dao, đau hơn bị thương). Đối với người Xơ Đăng Todrã, mỗi lời nói như một nhát dao chém, như một lời thề độc (*pđram*), mà muốn thề phải cắn vào đầu rắn, đầu chiếu hay vòng tay để thề [3, tr.186], vì vậy lời nói sắc hơn lưỡi dao và đau đớn hơn vết thương. Tương tự, câu đố về cái miệng (*hokông*) của con người được

³ *hi ichuôk*: hiên nhà sàn.

so sánh với rắn độc, thú dữ: *Pǎng yôp tróm kla, pǎng pêng tróm klǎn/ Mĩm, rúi mốt gǎn, khong kǎn bruôk lǎa* (Phía dưới hang cộp, phía trên hang rắn/ Tê giác, voi bước qua, thú lớn bước vào). Qua câu đố, chúng ta có thể hình dung được một phần xã hội vật chất và tinh thần của người Xơ Đăng Todrã trong lịch sử.

2.1.3. Câu đố góp phần kiến tạo không gian văn hóa tộc người Xơ Đăng Todrã

Câu đố bao quát được nhiều phương diện, yếu tố văn hóa của người Xơ Đăng Todrã như ẩm thực, trang phục, nhà cửa, tín ngưỡng,... Nó góp phần kiến tạo không gian văn hóa đặc sắc của tộc người này.

Có rất nhiều câu đố đề cập đến ẩm thực của người Xơ Đăng Todrã như các món ăn truyền thống (lá mì, cháo, canh, các món nướng...). Trong đó, lá mì, củ mì/ sǎn (luông bliang) được đưa ra đố với nhiều dạng khác nhau: *Ré wi yua hla wi ká* (Rễ cũng ăn và lá cũng ăn) hay *Hla hyuông riang, hla bliang krá* (Rau diệu ra hoa, lá mì đã già). Khi nhắc đến loại cây ăn cả rễ và lá thì người giải đố biết chắc đó là cây mì, vì đây món ăn quen thuộc nhất của người Xơ Đăng Todrã.

Các món ăn thường ngày của người Xơ Đăng Todrã gắn với các đặc sản của rừng núi như chuối rừng, rau dớn, rau diệu, rau lang, môn rừng, củ mài, củ từ, măng le, thịt dúi, ếch nhái, cá suối, cua đá, kiến vàng... Khi đi rừng hay đi rẫy, họ đều hái lượm các loại rau, củ quả rừng, săn bắt các loại động vật để làm thức ăn. Nếu thức ăn nhiều, họ làm mắm nhét bằng cách nhét cá, ếch nhái hoặc kiến vàng vào ống lồ ô đặt trên giàn bếp để dành ăn dần. Môn rừng và chuối rừng cũng là món ăn ưa dùng nên rất quen thuộc với người Xơ Đăng Todrã. Vì vậy khi nhắc đến loại này trong câu đố thì ai cũng có thể đoán ra. Đây là câu đố về cây môn rừng (hrau): *Siêm tó luông gojra/ Hla tó kơ' nỏ kơ' nieng/ Tró dĩa sreing trói ôi pǎ gông* (Gốc to bằng cây gậy/ Lá to bằng cái thúng/ Nhung nước vẫn khô như trên cạn) hoặc cây chuối rừng (prietr ɔliang): *“Luông gǎh tó luông hodri/ Pli gǎh tó riang jiêng kǎn/ Bơ ngǎn gǎh ae kǐ kǐ?”* (Thân bằng thân cây chày/ Quả bằng ngón chân cái/ Nói thử xem là cái gì?).

Người Xơ Đăng Todrã rất thích ăn thịt nướng ống và cơm nếp thơm. Đây là món ăn ngon và quý chỉ dùng trong những ngày lễ hội hay dành cho cha mẹ già. Người Xơ Đăng Todrã có lời nói vẫn: *“Me ăm mẽ jǎm pruông/ ‘Me ăm bá toyuông bǎ* (Chừa cho mẹ thịt nướng ống/ Dành cơm nếp thơm ngon cho cha”. Vì vậy câu đố về thịt nướng ống, cơm nếp (pae pua): *“Ka hreing robor godor ôi tung tum ió* (Trăm ngàn con cá trong ao nhỏ),...

Trong văn hóa ẩm thực của người Xơ Đăng Todrã, rượu cần là món đặc trưng. Rượu truyền thống của người Xơ Đăng Todrã được làm bằng một số loại ngũ cốc như gạo, bắp, bo bo và củ, quả, vỏ cây rừng (cây plo) để tạo men [1]. Khi uống rượu, cách ngồi uống rượu cần (mongae ôi ái drô) là quan trọng nhất, vì nó thể hiện vị thế của người uống rượu: *“Chêm yiang tở ôi piêng gôi polai topě* (Chim sẻ đậu trên cành le cụt ngọn). Đối với người Xơ Đăng Todrã, uống rượu thể hiện sự hòa hiếu, kết thân, kết ước. Trong lễ cưới, cô dâu chú rể mời nhau ăn đùi gà, mời uống rượu cùng ghé ăn cùng mâm thể hiện sự gắn kết lâu dài [5].

Trang phục là đối tượng được sử dụng phổ biến trong câu đố Xơ Đăng Todrã. Đó là những trang phục truyền thống như áo, váy, khố, tấm choàng,... Đáng chú ý là cách miêu tả các đồ vật trong lời đố rất sinh động. Nó có thể gợi ra hình ảnh, chi tiết hoặc đặc điểm sử dụng của trang phục ấy để người giải đố đoán chính xác đồ vật. Chẳng hạn như câu đố về đuôi khố của người đàn ông Xơ Đăng Todrã (kiêng kopen): *“Oh toplông, nhõng luh lah”* (Em nhảy múa, anh cũng nhảy múa). Chỉ khi mục sở thị người Tây Nguyên mặc khố mới hiểu được đuôi khố khi đi vạt trước và vạt sau nhảy múa như thế nào. Đặc biệt, trong các câu đố chúng tôi sưu tầm được có một trang phục đi mưa rất riêng của Xơ Đăng Todrã được gọi là *kolieng*: *“Mũi hreing ‘ngrǎng rǎng/ Huiang pêng khê yiang/ Ôh ti kái hlôh* (Hàng trăm ngàn mũi tên/ Cùng bắn vào khiên thân/ Nhưng nó vẫn

không thủng). Kolieng là vật dụng che mưa của người Xơ Đăng Todrã được đan bằng tre nứa, quét dầu chai chống thấm nước rất tốt. Nó che phần đầu và lưng của người đội. Hiện nay, *kolieng* chỉ còn trưng bày trong bảo tàng chứ không được sử dụng trong đời sống hằng ngày.

Hầu hết câu đố đều gắn với văn hóa truyền thống của người Xơ Đăng. Cho nên nếu không hiểu về văn hóa của người Xơ Đăng Todrã thì khó có thể giải đố. Chẳng hạn câu đố về quả mướp lại mô tả các đặc điểm của các loại gùi: *Kuăn neng pố jiă/ Wi kră pố rô* (Thằng nhỏ mang gùi sít/ Ông già mang gùi thưa). Câu đố này đòi hỏi người giải đố phải phân biệt được các loại gùi. Hay câu đố về hoạt động tria lúa (chôi ‘mo): *Godrăng bruôk pai tó jiêng/ Yă kothôn bruôk ing rô* (Đàn ông ba chân đi trước/ Đàn bà lưng còng rảo bước đi sau). Đây là câu đố mô tả phương thức chọc tía truyền thống của người Tây Nguyên, người đàn ông cầm cây gậy chọc lỗ đi trước và phụ nữ đi sau tra hạt.

Đặc biệt, một số câu đố có nội dung như một định nghĩa hoàn hảo về khái niệm văn hóa Tây Nguyên. Chẳng hạn câu đố về nhà chồ (hi ichuôk): *Diang wi godri pé ‘mo/ Dodăm poxôh idrôh nonoh hể* (Nơi đàn bà giã gạo/ Nơi trai gái tâm tình). Đối với người Tây Nguyên, nhà chồ là nơi hò hẹn, là nơi trai gái gặp nhau tâm tình, là nét văn hóa đặc sắc cư dân bản địa. Trong các truyện cổ và sử thi, thường có cảnh các cô gái giã gạo trên nhà chồ hoặc cảnh các chàng trai đứng cạnh cầu thang đánh đàn *brồ dung*⁴ tỏ tình với cô gái đang đứng trên nhà chồ.

2.1.4. Câu đố Xơ Đăng Todrã trong xu hướng giao lưu, tiếp biến văn hóa

Điều thú vị là có nhiều câu đố Xơ Đăng Todrã giống với câu đố người Việt về nội dung và cách diễn đạt. Chẳng hạn như câu đố về con chó (chô): *Gâh ối hơ-nái ngăn yôn ‘nhuông/ Gâh yuông dâng ngăn hλό ‘nỉ* (Nó ngồi xuống nhìn thấy cao/ Nó đứng lên nhìn thấp thấy). Tương tự, câu đố về con ốc (hobau): *Bruôk piăng li, pố hi piăng ae* (Muốn đi đâu, đội nhà theo) hay câu đố về cánh cửa (măng): *Uae lăm tã ae thê kôh, Uae trôh tã mé thê kôn* (Ai qua cũng phải lay/ Ai đến cũng phải cúi)... Thỉnh thoảng, trong câu đố Xơ Đăng Todrã có một số câu đố về các vật dụng của người Việt như nón lá (đuăn): *Ivĩ gơ, kân hokông/ Gông ‘mi ti tomâng, gông tâu ti kochêng* (Thân em đầu nhọn miệng to/ Dãi dầu mưa nắng chẳng nề hà chi). Đặc điểm này cho thấy văn hóa của người Xơ Đăng Todrã có sự tiếp xúc với văn hóa người Việt. Nhiều tài liệu ghi chép, từ xa xưa, người Xơ Đăng Todrã thường xuyên qua lại, buôn bán, trao đổi hàng hóa với người Lào, Campuchia và người Việt [4, tr. 177]. Trong quá trình đó, có lẽ câu đố của người Xơ Đăng Todrã đã ảnh hưởng ít nhiều câu đố của người Việt.

Điều khá ngạc nhiên là có nhiều câu đố Xơ Đăng Todrã đề cập đến các sự vật, đồ vật, sinh hoạt trong xã hội hiện đại như: tiền, cái ô, mũ len, xà phòng, bàn chải, gói thuốc lá, đèn pin, tivi, xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, đá bóng... Thú vị nhất là có câu đố về lá cờ tổ quốc (hla): *Mính hrêng khul hla, hla kio đê gừ, đê jom* (Trăm loại lá, lá gì người ta quý, người ta kính trọng) và Bác Hồ (Bok Hồ): *Wi ngăn di trôi bá/ Wi ha-ió wá/ Wi krá bã. Rêh ngae jom?* (Người ta coi như cha/ Bọn trẻ thích/ Người già yêu thương. Mọi người đều kính trọng). Đặc điểm này cũng cho thấy câu đố của người Xơ Đăng Todrã đang tồn tại và phát triển trong đời sống hiện đại.

Đáng lưu ý là rất hiếm những câu đố kiểu “đố tục giảng thanh” như câu đố của người Việt. Thỉnh thoảng gặp một vài câu đố mô tả sự bài tiết của con người (lăm êk): *Kân neng hiang tâng gâh puâng/ Jiêng thê bruôk păng hlyng* (Dù lớn hay nhỏ, Cứ nghe nó gọi/ Nhanh chân mà đi). Duy nhất có một câu đố về bộ phận sinh dục của người đàn ông (lu): *Pli baer tồ tồ mỗi pôm* (Hai quả một ống). Tuy nhiên, yếu tố này không mang ý nghĩa xã hội mà chỉ có tác dụng gây cười.

⁴Một loại đàn truyền thống của người Xơ Đăng. Đêm đêm, các chàng trai thường đem đàn đứng cạnh cầu thang của người con gái mình yêu để đánh đàn. Tiếng đàn thay cho lời tỏ tình.

Tuyệt đối không có những câu đố có lời đố mô tả quan hệ tình dục như của người Việt. Đây cũng là nét đặc trưng của câu đố và lời ẩn tiếng nói Xơ Đăng Todră. Kinh nghiệm điền dã của người viết cho thấy, người Xơ Đăng Todră rất khi ít nói tục trong mọi hoàn cảnh.

2.2. Đặc điểm nghệ thuật

2.2.1. Cách nói vần vè, cấu trúc ngữ pháp đa dạng

Hình thức câu đố Xơ Đăng Todră thường là những câu nói hoặc cụm từ vần vè, có cấu trúc ngữ pháp đa dạng. Vần của câu đố rất linh hoạt, bao gồm vần lưng, vần chân, vần liền, vần cách. Đặc điểm này tạo cho câu đố dễ nghe, dễ nhớ, dễ thuộc. Mỗi câu đố thường 2 vế câu, mỗi câu từ 5 - 10 từ: *Bruók plă mǎng plă hi/ Ti 'ni bodâê, ti 'ni hae* (Đi suốt đêm suốt ngày/ Không một chút nghỉ ngơi)⁵. Nhiều câu đố có ba vế câu: *Nǎng mǎr rokheo gǎh rogĩ/ Hi 'nae rovieng gǎh bĩ/ Nǎng sǎ i vĩ tiah ikai kopô* (Buổi sáng ồm nhóc ồm nheo/ Đến trưa mặt nó tròn đầy đặn/ Chiều đến, nó gầy như sừng trâu⁶). Lại có câu đố chỉ một vế câu, gồm 4 đến 6 âm tiết: *Hua tǎ, dǎ ju* (Vươn leo lên, khi trèo xuống⁷) hoặc *"Ti ai ponǎr toma pǎr hơ-ion"* (Không có cánh mà bay cao⁸), *"Ti ai ponǎr toma pǎr chǎk"* (Không có cánh mà bay xa)⁹,...

Câu đố Xơ Đăng Todră có cấu trúc ngữ pháp đa dạng, cách dùng từ ngữ phong phú, giàu hình ảnh, cách diễn đạt linh hoạt. Đó là những câu vần vè dài ngắn khác nhau. Mỗi câu đố thường từ 2 đến 4 dòng, mỗi dòng từ 4, 5 hoặc 7 từ. Nhiều câu đố có các vế đối xứng với nhau về từ loại, ý nghĩa và ngữ âm tạo nên nhạc điệu sinh động, kết cấu chặt chẽ. Chẳng hạn câu đố về cái ô (hla du): *Ôi tung hi tǎ kǎng/ Ló pǎ gǎng tǎ itǎn* (Trong nhà bằng cỏ tay/ Ngoài trời bằng cái nĩa) hoặc hoạt động nhuộm vải (bró gǎm brae): *Néh chǎ a klũ/ Kô 'nhũ dǎ gǎm* (Xua thân em trắng/ Nay tắm nước đen),...

Cấu trúc câu đố bao gồm lời đố, câu hỏi và phần giải đố. Lời đố thường là những câu nói vần mô tả những dấu hiệu về tính chất, đặc điểm, chức năng, công dụng của đối tượng đố và giấu tên gọi. Đối tượng đố thường là con người, con vật, đồ vật, thực vật hoặc một hiện tượng diễn ra trong lao động, sinh hoạt thường ngày. Đối tượng đố hết sức đa dạng từ thiên nhiên như sông, suối, ao, hồ, mặt trời, mặt trăng, mưa, nắng, sấm, chớp đến các sản vật, món ăn của núi rừng; từ những công cụ lao động, săn bắt, hái lượm như dao, rựa, các loại bẫy, thuyền độc mộc, thúng, mùng, cối giã gạo, hoạt động tía lúa, giã gạo đến các loại vũ khí thông dụng của người Tây Nguyên như ná, đao, gươm, khiên,... Câu hỏi đố thường gắn với lời đố để định hướng, giới hạn xuất đố với các kiểu câu như: *Là gì? Là con gì? Là cái gì?...* Cấu trúc lời đố và câu hỏi đố thường tách rời nhưng có khi câu hỏi đố nằm trong lời đố. Chẳng hạn: *Kơ 'nám iang mǎ hi/ Pli kli kǎn lói dá* (Dưới ánh mặt trời/ Quả gì to nhất)¹⁰. Phần lời giải đố là "đáp án" của người đố, thường được diễn giải bằng lời nói, không vần vè.

2.2.2. Gối kín mở nhanh

"Gối kín mở nhanh" là nghệ thuật thường thấy của câu đố. Đó là cách giấu kín các chi tiết, đặc điểm của đối tượng đố và giải đố nhanh, bất ngờ nhằm thử tài suy luận, phán đoán, sự nhanh nhẹn của người giải đố. Câu đố của người Xơ Đăng Todră có cách "gối kín mở nhanh" độc đáo. Không chỉ "gối kín mở nhanh" như câu đố thông thường mà ngay cả lời giải đố cũng lắt léo tạo sự bất

⁵ Nước chảy (diã hổi)

⁶ Nặt trắng (mǎ khae)

⁷ Mặt trăng và mặt trời (mǎ khae- mǎ hi)

⁸ Khói (nhui)

⁹ Gió (koyia)

¹⁰ Quả đất (pli toné).

ngờ và ngạc nhiên thích thú cho cuộc đố vui. Lời giải đố được xem như “đáp án” mà người đố phải nói ra và người đố cũng phải “chốt lại” khi kết thúc câu đố. Lời giải đố thường lắt léo hoặc úp mở, có khi nói một đằng lại hiểu một nẻo. Qua lời giải đố, người ra câu đố còn muốn gợi một ý nghĩa nhân văn nào đó nên một số câu đố còn mang ý nghĩa luân lý. Các câu đố này gần với các câu tục ngữ, có nhiệm vụ chuyển tải một thông điệp nào đó mà người đố muốn gửi gắm. Chẳng hạn câu đố về con chó: “*Gâh reh ‘mãng mongae/ Gâh wae klep ‘mãng godrá* (Sống chung với con người/ Trung thành với chủ).

Cùng một đối tượng đố nhưng có rất nhiều câu đố và lời đố khác nhau. Chẳng hạn câu đố về con nòng nọc (*plõn*), con ếch (*kết*) có 5-7 câu đố, đố về con chó (*chô*) cũng có 6-8 câu đố. Điều này cho thấy khả năng sáng tạo câu đố của người Xơ Đăng Todrã khá phong phú. Từ một đối tượng, họ có thể đặt nhiều câu đố, miêu tả đối tượng với nhiều khía cạnh khác nhau. Chính vì vậy, câu đố luôn luôn hấp dẫn mọi người trong các cuộc chơi.

2.2.3. Trò chơi ngôn ngữ

Nhiều câu đố sử dụng cách diễn đạt, từ ngữ giàu hình ảnh, biện pháp nhân hóa như một trò chơi ngôn ngữ để tạo ra các lời đố sinh động, hấp dẫn. Chẳng hạn câu đố về cục than củi (*kochá*): *A idrôh môh mã gãm/ Dãm toniêm ôi lăm thuông luông a* (Dù em mặt mũi đen xì/ Vẫn có anh lò rèn đi tán em). Câu đố thường có các vế đối nhau tạo những hình ảnh ẩn tượng có tác dụng đánh lừa suy luận của người giải đố và nhằm giấu kín lời đố. Chẳng hạn câu đố về lông mi (sắc mã): *Luông ing yuôp yuông kliêng/ Luông ing piêng grê tê* (Hàng cây dưới dựng lên/ Hàng cây trên ngã xuống) hoặc câu đố về rêu (sắc kiêng): *Gôi piăng toné, ré piăng hơ-iôn* (Ngọn dưới đất, rễ trên trời) hay câu đố về măng và tre (*dobăng luông kola*): *Wá rop yô kuan nêng, kochêng yủ mẽ gâh kã* (Muốn bắt con nít, sợ mẹ nó cắn)... Nhiều câu đố có lời đố mô tả hành động nhưng lại hỏi đố về sự vật làm cho người giải đố phải suy luận rất nhiều mới tìm ra lời giải đố. Chẳng hạn câu đố về mặt trời và mặt trăng (mã hi, mã khoe): *Ó lăm dá weh/ Ó hier dá hro* (Em đi anh về/ Em ngủ anh thức) hoặc câu đố về mưa (*mi*): *Gôi bết toné, ré bết plêng* (Ngọn đâm đất, rễ đâm trời).

Nhiều câu đố có từ ngữ giàu hình ảnh và đẹp như từ ngữ thơ ca. Chẳng hạn câu đố về mây (*yôk*): *Kopáe kouae dâng ‘nae ra plêng*” (Bông gòn ai lơ lửng giữa bầu trời) hoặc câu đố về mặt trời (mã khoe): *Dăng măng ai pôm riang/ Iang lăp luô pli toné*” (Ban đêm có một loài hoa/ Chiếu sáng lên cả trái đất).

3. KẾT LUẬN

3.1. Câu đố dân gian của người Xơ Đăng Todrã là một thể loại văn học dân gian đặc biệt. Nó như “bộ sử biên niên, ghi lại mọi sự kiện, biến cố của xã hội” [7, tr. 117] Xơ Đăng Todrã từ xưa đến nay. Câu đố thể hiện óc quan sát tinh tế, quan niệm sâu sắc về thế giới của người Xơ Đăng Todrã. Đồng thời câu đố cũng thể hiện tâm lí, thói quen, phong tục tập quán, tín ngưỡng của tộc người này suốt hàng nghìn năm trên dải Trường Sơn hùng vĩ.

Trong sinh hoạt thường ngày, câu đố là trò chơi dân gian ưa thích, giúp cho trẻ em phát triển tư duy, linh hoạt trong quan sát, rèn luyện óc phán đoán. Đồng thời, người lớn cũng sử dụng câu đố để truyền dạy con cái về tri thức thế giới xung quanh, về kinh nghiệm sinh tồn trong môi trường tự nhiên, xã hội. Trong điều kiện thông tin hạn chế ở Tây Nguyên ngày xưa thì câu đố như cuốn từ điển bách khoa để trẻ em học tập và mở rộng kiến thức, nhất là kiến thức thực tiễn, kinh nghiệm ứng phó với môi trường thiên nhiên.

3.2. Đặc điểm nội dung câu đố của người Xơ Đăng Todrã rất phong phú. Nó phản ánh hầu như mọi lĩnh vực trong đời sống vật chất, tinh thần của tộc người này. Câu đố là kho tri thức quý báu của người Xơ Đăng Todrã trong quá trình lao động sản xuất, sinh tồn và chinh phục thiên nhiên ở Tây Nguyên, nhất là tri thức về rừng, phương thức canh tác nương rẫy. Qua nội dung câu đố,

chúng ta hình dung được đời sống xã hội, văn hóa, sinh hoạt của người Xơ Đăng Todră và hiểu thêm đặc trưng lịch sử xã hội, văn hóa truyền thống của tộc người này ở Tây Nguyên.

Hình thức nghệ thuật của câu đố Xơ Đăng Todră rất đa dạng và độc đáo. Trong đó nổi bật là cách sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh, vần vẻ, làm cho câu đố dễ nhớ, dễ thuộc và dễ lưu truyền. Hình thức câu đố Xơ Đăng Todră có một số đặc trưng tương đồng với câu đố người Việt như sử dụng các biện pháp nhân hóa, so sánh, ẩn dụ. Tuy vậy, chúng tôi chưa tìm thấy câu đố Xơ Đăng Todră có phương thức xây dựng bằng hình thức chơi chữ đồng âm dị nghĩa, nói lái hay chiết tự như câu đố người Việt. Có lẽ do đặc trưng ngôn ngữ Xơ Đăng Todră không phổ biến đặc trưng này.

3.3. Hy vọng những khảo sát ở trên sẽ đem lại một nét phác thảo ban đầu về đặc điểm nghệ thuật câu đố Xơ Đăng Todră. Để xác định rõ hơn về đặc trưng nghệ thuật của một loại hình văn học dân gian như câu đố Xơ Đăng Todră cần nhiều thời gian và sự nghiên cứu sâu hơn nữa về câu đố dân gian nói chung và ngôn ngữ, phong tục tập quán của tộc người Xơ Đăng Todră nói riêng và các tộc người Tây Nguyên nói chung để có cái nhìn so sánh, đối chiếu.

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Mã số đề tài: T.21–NV.SV–01 và Đại học Huế, Mã số đề tài: NCM. DHH.2021.09.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo Kon Tum (2018). Bày Y Minh gìn giữ hương rượu cần truyền thống của người Xơ Đăng, Nguồn: dantocmiennui.vn.
- [2] Nguyễn Tiên Dũng, A Jar (2021). *Lời nói vần và câu đố của người Xơ Đăng Todră ở Kon Tum*, Công trình đạt Giải Ba A của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
- [3] Thu Hường (2016). *Nghề rèn truyền thống của người Todră*, Nguồn: thegioidisan.vn.
- [4] Đặng Văn Hường (2014). *Tìm hiểu một số phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên*, NXB Quân đội nhân dân.
- [5] Tấn Minh (2022). *Lễ cưới của người Xơ Đăng*, Nguồn: dangcongsan.vn.
- [6] Tú Quyên - Bình Vương (2018). *Phục dựng nghề rèn truyền thống của người Xơ Đăng*, Nguồn: baokontum.com.vn.
- [7] Bùi Khánh Thế (2012). *Tiếng Việt, tiếng nói thống nhất của dân tộc Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Văn Trung (1986). *Câu đố Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

Title: ARTISTIC CHARACTERISTICS OF SEDANG TODRA ETHNIC'S FOLK RIDDLES

Abstract: This study identifies the basic artistic characteristics of Sedang Todra ethnic's the folk riddles. Using ethnographic fieldwork, customs and literary studies, the article examines the artistic and content values of the riddles. The content of the riddles is a treasure trove of valuable knowledge about the natural and social world in the Central Highlands. The art of riddle is unique with language rich in images and rhythms, showing subtle observation, associated with ethnic culture.

Keywords: Folk riddle, Sedang Todra, Central Highlands, rhyming speech, artistic characteristics, ethnic culture.